

Số: 200 /TTr -UBND

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 11 năm 2017

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị bổ sung tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 của tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017”;

Căn cứ Thông tư số 300/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ tài chính về việc: “Quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước”; Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017”;

Thực hiện nội dung Công văn số 9076/BTC-KBNN ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính về việc: “Xây dựng quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng theo quy định cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương”;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, kỳ họp thứ 2 về việc: “Phê chuẩn phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020”.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa trình Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII kỳ họp thứ 04 xem xét, phê chuẩn “Bổ sung tỷ lệ phần trăm

(%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 – 2020 của tỉnh Thanh Hóa”, như sau:

### **1. Sự cần thiết phải bổ sung**

Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017”, quy định: “*Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản tiền chậm nộp theo quy định Luật Quản lý thuế*”.

Do thời điểm ban hành Thông tư sau thời điểm ban hành Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, kỳ họp thứ 2; do đó tỷ lệ phân chia khoản tiền chậm nộp theo quy định Luật quản lý thuế tại Thông tư 326/2016/TT-BTC chưa được quy định tỷ lệ phân chia cho các cấp ngân sách địa phương tại Nghị quyết này, vì vậy cần thiết phải bổ sung để đảm bảo theo đúng quy định hiện hành và có căn cứ thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

### **2. Nguyên tắc phân chia**

Phù hợp với nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi quy định tại Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII về việc: “Phê chuẩn phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020”;

Tiền chậm nộp của cùng một khoản thu ngân sách, do cùng cấp quản lý thu thì tỷ lệ phân chia cho các cấp ngân sách địa phương theo tỷ lệ phân chia khoản thu phát sinh tiền chậm nộp đó quy định tại Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII.

### **3. Đề xuất bổ sung tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020**

1. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán theo từng tiểu mục nội dung các khoản thu cụ thể: Khoản tiền chậm nộp của khoản thu nào thì phân chia cho các cấp ngân sách địa phương theo tỷ lệ của khoản thu đó tại Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII.

2. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng, nhưng không hạch toán riêng được theo từng tiểu mục nội dung các khoản thu cụ thể, như: Tiền chậm nộp Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường, Thuế sử dụng đất nông nghiệp, Tiền thuê đất, Tiền sử dụng đất, Thu tại xã...(Các khoản chậm nộp này, do Mục lục ngân sách nhà nước hiện nay chưa ban hành các Tiểu mục để hạch toán cụ thể nội dung các khoản chậm nộp này, trường hợp có phát sinh được hạch toán chung vào các Tiểu

mục sau: Tiêu mục 4944 – *Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý* – Đối với các khoản chậm nộp do cơ quan Thuế quản lý thu; Tiêu mục 4947 – *Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác quản lý* – Đối với các khoản chậm nộp không thuộc cơ quan Thuế, Hải quan quản lý thu). Tỷ lệ phân chia nguồn thu cho các cấp Ngân sách địa phương như sau:

a) Cấp nào quản lý thu: Phân chia 100% cho ngân sách cấp đó.

b) Riêng đối với khoản thu do đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý thu nộp ngân sách địa phương (khoản này theo quy định địa phương được hưởng, nhưng không hạch toán riêng được theo nội dung các khoản thu): Phân chia 100% cho ngân sách cấp tỉnh.

*(Chi tiết phân chia các khoản thu tiền chậm nộp theo Phụ lục kèm theo)*

**4. Thời điểm thực hiện:** Từ năm năm ngân sách 2017 và các năm sau trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

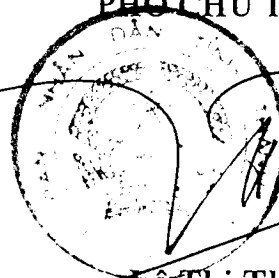
**5. Tổ chức thực hiện:** Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất; Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành Quyết định và giao Sở Tài chính, Cục thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo về nội dung “Bổ sung tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 – 2020 của tỉnh Thanh Hóa”, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định để thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn2017267 (300).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

**Phụ lục:**  
**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU TIỀN CHẬM NỘP**  
**GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2017-2020**  
(Kèm theo Tờ trình số 200 /TTr-UBND ngày 29/11/2017 của UBND  
tỉnh Thanh Hóa)

TT	Danh mục các khoản thu	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Nguyên tắc
A	B	1	2	3	4
1	<b>Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt</b>				Phân chia nguồn thu theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp (Như tỷ lệ phân chia nguồn thu các khoản thuế này tại Quyết định 4761/2016/QĐ-UBND)
1.1	Thu từ các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp				
a	Doanh nghiệp Trung ương; doanh nghiệp nhà nước địa phương; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu; doanh nghiệp có cơ sở sản xuất trên nhiều địa bàn; doanh nghiệp ngoài quốc doanh do cấp tỉnh quản lý thu.	100			
b	Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do cấp huyện, thị, thành phố quản lý thu		100		
1.2	Các HTX; kinh tế cá thể; hộ gia đình				
a	Thu trên địa bàn thành phố, thị xã				
-	Thu trên địa bàn phường		90	10	
-	Thu trên địa bàn xã		80	20	
b	Thu trên địa bàn các huyện		40	60	
2	<b>Tiền chậm nộp thuế tài nguyên</b>				
2.1	Doanh nghiệp Trung ương; doanh nghiệp nhà nước địa phương; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do cấp tỉnh quản lý thu.	50	50		
2.2	doanh nghiệp ngoài quốc doanh do cấp huyện quản lý		100		
2.3	Các HTX; Kinh tế cá thể; Hộ gia đình			100	
3	<b>Thu khác về thuế</b>				
3.1	Khoản tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không hạch toán riêng được theo từng khoản thu.				Các khoản thu khác cấp nào quản lý thu, phân chia 100% số thu cho ngân sách cấp đó nộp (Như tỷ lệ phân chia nguồn thu khác về thuế tại Quyết định 4761/2016/QĐ-UBND).
3.1.1	Thu từ các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp				
a	Doanh nghiệp nhà nước địa phương; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cấp tỉnh quản lý thu	100			
b	Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (do cấp huyện quản lý thu)		100		
3.1.2	Các HTX; Kinh tế cá thể; hộ gia đình			100	

TT	Danh mục các khoản thu	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Nguyên tắc
A	B	1	2	3	4
3.2	Khoản thu tiền chậm nộp thuộc đơn vị cấp Trung ương quản lý thu nộp ngân sách địa phương, khoản này theo quy định địa phương được hưởng, nhưng không hạch toán riêng được theo từng khoản thu.	100			Các khoản thu nhỏ, hạn chế phân chia cho nhiều cấp ngân sách, nhiều tỷ lệ khác nhau (Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản 9076/BTC-KBNN).
4	Tiền chậm nộp từ thu hoạt động xổ số kiến thiết	100			Phân chia nguồn thu theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp (Như tỷ lệ phân chia nguồn thu các khoản thuế này, khoản thu này tại Quyết định 4761/2016/QĐ-UBND)
5	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân				
5.1	Khấu trừ qua đơn vị chi trả tỉnh quản lý	100			
5.2	Khấu trừ qua đơn vị chi trả huyện quản lý		100		
5.3	Thuế thu nhập cá nhân của các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán ổn định; thừa kế; quà tặng .				
a	Trên địa bàn phường		80	20	
b	Trên địa bàn các xã, thị trấn				
-	Trên địa bàn thị trấn		50	50	
-	Trên địa bàn xã		20	80	
6	Tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường	100			
7	Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
7.1	Trung ương cấp giấy phép	10	10	10	
7.2	Tỉnh cấp giấy phép	40	30	30	

*Handwritten signature*

Số: /2017/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng 12 năm 2017

*(Dự thảo)*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua bổ sung tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 – 2020 của tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 300/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Công văn số 9076/BTC-KBNN ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính về việc: “Xây dựng quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng theo quy định cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương”;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, kỳ họp thứ 2 về việc: “Phê chuẩn phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020”;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày.....tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về việc: “Bổ sung tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 – 2020 của tỉnh Thanh Hóa”; báo cáo thẩm tra số ...../BC.HĐND-KTNS ngày.....tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua quy định bổ sung tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 – 2020 của tỉnh Thanh Hóa, như sau:

1. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán theo từng tiểu mục nội dung các khoản thu cụ thể: Khoản tiền chậm nộp của khoản thu nào thì phân chia cho các cấp ngân sách địa phương theo tỷ lệ của khoản thu đó tại Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, kỳ họp thứ 2 và ban hành Quyết định số 4761/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng, nhưng không hạch toán riêng được theo từng tiểu mục nội dung các khoản thu cụ thể, như: Tiền chậm nộp Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường, Thuế sử dụng đất nông nghiệp, Tiền thuê đất, Tiền sử dụng đất, Thu tại xã...(Các khoản chậm nộp này, do Mục lục ngân sách nhà nước hiện nay chưa ban hành các Tiểu mục để hạch toán cụ thể nội dung từng khoản chậm nộp này, trường hợp có phát sinh được hạch toán chung vào các Tiểu mục sau: Tiểu mục 4944 – *Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý* – Đối với các khoản chậm nộp do cơ quan Thuế quản lý thu; Tiểu mục 4947 – *Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác quản lý* – Đối với các khoản chậm nộp không thuộc cơ quan Thuế, Hải quan quản lý thu). Tỷ lệ phân chia nguồn thu cho các cấp Ngân sách địa phương như sau:

a) Cấp nào quản lý thu: Phân chia 100% cho ngân sách cấp đó.

b) Riêng đối với khoản thu do đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý thu nộp ngân sách địa phương (khoản này theo quy định địa phương được hưởng, nhưng không hạch toán riêng được theo nội dung các khoản thu): Phân chia 100% cho ngân sách cấp tỉnh.

*(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Giao cho UBND tỉnh căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật; Nghị quyết này chỉ đạo triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo HĐND tỉnh.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày....tháng 12 năm 2017./.*

**Phụ lục:**  
**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU TIỀN**  
**CHẬM NỘP GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**  
**GIẢI ĐOẠN 2017-2020**

(Kèm theo Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày.....tháng 12 năm 2017  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII kỳ họp thứ 4)

TT	Danh mục các khoản thu	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
A	B	1	2	3
<b>1</b>	<b>Tiền chậm nộp Thuế GTGT, TNDN và TTĐB</b>			
1.1	Thu từ các DN hoạt động theo luật DN			
a	DNTW; DNNN địa phương; DN có vốn ĐTNN; DNSXKD XNK; DN có cơ sở SX trên nhiều địa bàn; DN NQD do cấp tỉnh quản lý thu.	100		
b	Các DN NQD do cấp huyện, thị, TP quản lý thu		100	
1.2	Các HTX; Kinh tế cá thể; hộ gia đình			
a	Thu trên địa bàn Thành phố, Thị xã			
-	Thu trên địa bàn phường		90	10
-	Thu trên địa bàn xã		80	20
b	Thu trên địa bàn các huyện		40	60
<b>2</b>	<b>Tiền chậm nộp Thuế Tài nguyên</b>			
2.1	DNTW; DNNN địa phương; DN có vốn ĐTNN; các DN NQD do cấp tỉnh quản lý thu.	50	50	
2.2	DN NQD do cấp huyện quản lý		100	
2.3	Các HTX; Kinh tế cá thể; Hộ gia đình			100
<b>3</b>	<b>Thu khác về thuế</b>			
3.1	Khoản tiền chậm nộp các đơn vị thuộc địa phương quản lý thu nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không hạch toán riêng được theo từng khoản thu.			
3.1.1	Thu từ các DN hoạt động theo luật DN			
a	DNNN địa phương; DN có vốn ĐTNN; DN NQD do Cấp tỉnh quản lý thu	100		
b	Các DN NQD (do cấp huyện quản lý thu)		100	
3.1.2	Các HTX; Kinh tế cá thể; hộ gia đình			100
3.2	Khoản thu tiền chậm nộp thuộc đơn vị cấp Trung ương quản lý thu nộp ngân sách địa phương, khoản này theo quy định địa phương được hưởng, nhưng không hạch toán riêng được theo từng khoản thu.	100		
<b>4</b>	<b>Tiền chậm nộp từ Thu hoạt động xổ số kiến thiết</b>	<b>100</b>		
<b>5</b>	<b>Tiền chậm nộp Thuế thu nhập cá nhân</b>			
5.1	Khấu trừ qua đơn vị chi trả tỉnh quản lý	100		
5.2	Khấu trừ qua đơn vị chi trả huyện quản lý		100	
5.3	Thuế TNCN của các hộ KD cá thể nộp thuế khoán ổn định; thừa kế; quà tặng.			



<b>TT</b>	<b>Danh mục các khoản thu</b>	<b>NS cấp tỉnh</b>	<b>NS cấp huyện</b>	<b>NS cấp xã</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
<b>a</b>	Trên địa bàn phường		80	20
<b>b</b>	Trên địa bàn các xã, thị trấn			
-	Trên địa bàn thị trấn		50	50
-	Trên địa bàn xã		20	80
<b>6</b>	<b>Tiền chậm nộp Thuế bảo vệ môi trường</b>	<b>100</b>		
<b>7</b>	<b>Tiền chậm nộp Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</b>			
7.1	Trung ương cấp giấy phép	10	10	10
7.2	Tỉnh cấp giấy phép	40	30	30

UBND TỈNH THANH HÓA  
**SỞ TƯ PHÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

H.X. )  
Số: **1363**/STP-XDVB  
V/v tham gia ý kiến

Thanh Hóa, ngày **15** tháng 9 năm 2017

Kính gửi: Sở Tài chính Thanh Hóa

Sở Tư pháp nhận được văn bản số 3929/STC-QLNSHX ngày 13/9/2017 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định 02 dự thảo: Tờ trình của UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh và Quyết định về việc bổ sung tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 của tỉnh Thanh Hóa. Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các quy định của pháp luật, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

**1. Về nội dung văn bản:**

- Dự thảo đã quy định cụ thể về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng, như vậy là phù hợp với Công văn số 9076/BTC-KBNN ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

- Về hiệu lực văn bản: Dự thảo quy định "*Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01/01/2017*" là không phù hợp với Điều 152 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, bởi văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp không được quy định hiệu lực trở về trước. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại.

**2. Đề xuất:**

Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước 2015 thì HĐND tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương. Theo Công văn số 9076/BTC-KBNN ngày 07/7/2017 thì Bộ Tài chính đề nghị UBND tỉnh trình HĐND quy định việc phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương. Căn cứ quy định trên thì quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh. Vì vậy, đề nghị Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định

Kính chuyển Sở Tài chính nghiên cứu./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, XDVB.

**GIÁM ĐỐC**



**BÙI Đình Sơn**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~9076~~ /BTC- KBNN

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2017

V/v xây dựng quy định phân chia  
nguồn thu tiền chậm nộp NSDP được  
hưởng theo quy định cho ngân sách  
các cấp chính quyền địa phương

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1. Ngày 15/11/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 300/2016/TT-BTC quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước. Theo đó đã bổ sung 28 tiêu mục chậm nộp (không kể tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt VPHC) để theo dõi, phân chia cho các cấp ngân sách tiền chậm nộp được quy định tại Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017. Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 326/2016/TT-BTC quy định: Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%, ngân sách địa phương hưởng 100% và khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, bao gồm cả khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Tuy nhiên, do nghị quyết của Hội đồng nhân cấp tỉnh của các địa phương về phân chia nguồn thu ngân sách được thông qua vào giữa tháng 12 năm 2016, trước khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 326/2016/TT-BTC nêu trên, nên chưa đề cập đến việc phân chia đối với khoản thu tiền chậm nộp theo quy định nêu trên, đặc biệt chưa quy định phân chia cho từng cấp ngân sách trong nội bộ địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã). Vì vậy, chưa có cơ sở pháp lý để phân chia khoản thu tiền chậm nộp cho các cấp ngân sách tại từng địa phương.

2. Để giải quyết vướng mắc nêu trên, đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc phân chia nguồn thu quy định tại Thông tư số 188/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính quy định tiêu thức phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước:

Nguyên tắc phân chia nguồn thu quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Thông tư số 188/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính: "...*hạn chế phân chia các nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp; hạn chế sử dụng nhiều tỷ lệ phân chia khác nhau đối với từng khoản thu cũng như giữa các đơn vị hành chính trên địa bàn.*"

Nguyên tắc phân chia nguồn thu quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính: "*Nguồn thu gắn với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó*".

Đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân quy định việc phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo hướng:

- Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng theo từng tiêu mục quy định tại Thông tư số 300/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Thực hiện phân chia theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp.

- Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu, thực hiện phân chia theo nguyên tắc: Số thu tiền chậm nộp từ người nộp gắn với cấp nào quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp đó, không phân chia cho nhiều cấp ngân sách. Ví dụ: tiền chậm nộp các khoản thuế môn bài, thuế sử dụng đất nông nghiệp, lệ phí trước bạ nhà đất, thu khác v.v... , nếu cấp huyện quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp huyện (các khoản thu tiền chậm nộp này được hạch toán tại tiêu mục: 4944 - *Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý* và Tiêu mục 4947- *Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác quản lý*); hoặc tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước còn lại do tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý nộp ngân sách (*được hạch toán ở tiêu mục 4931*) thì phân chia cho ngân sách cấp tỉnh v.v.... Trong đó, khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng thì phân chia cho ngân sách cấp tỉnh.

Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quan tâm, tổ chức thực hiện./

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan;
- Vụ Pháp chế, Vụ NSNN;
- Lưu VT, KBNN (40 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**★ Huỳnh Quang Hải**

BỘ TÀI CHÍNH  
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Số: 4502/KBNN-KTNN  
V/v thời điểm hiệu lực thi hành  
văn bản phân chia nguồn  
thu tiền chậm nộp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2017

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa

Trả lời Công văn số 4019/STC-QLNSHX ngày 19/9/2017 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa về thời điểm thực hiện tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp, Kho bạc Nhà nước (KBNN) có ý kiến như sau:

**1. Quy định về phân chia nguồn thu đối với khoản tiền thuế chậm nộp:**

Theo quy định của Thông tư số 326/2010/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2017, có hiệu lực đối với năm ngân sách 2017 tại Phụ lục 01 quy định chi tiết đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, bao gồm cả khoản tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Tuy nhiên, do nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của các địa phương về phân chia nguồn thu ngân sách được thông qua vào giữa tháng 12 năm 2016, trước khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 326/2010/TT-BTC ngày 23/12/2016, nên tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chưa có quy định cụ thể phân chia tiền chậm nộp cho từng cấp ngân sách trong nội bộ địa phương. Vì vậy, các địa phương chưa có cơ sở pháp lý để phân chia khoản thu tiền chậm nộp cho các cấp ngân sách tại từng địa phương.

Để giải quyết vướng mắc nêu trên, Bộ Tài chính đã có Công văn số 9076/BTC-KBNN ngày 07/7/2017 về việc xây dựng quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng theo quy định cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương, trong đó đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân quy định việc phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo hướng:

- Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng theo từng tiêu mục quy định tại Thông tư số 300/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Thực hiện phân chia theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp.

- Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu, thực hiện phân chia theo nguyên tắc: Số thu tiền chậm nộp từ người nộp gắn với cấp nào quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp đó, không phân chia cho nhiều cấp ngân sách. Trong đó, khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng thì phân chia cho ngân sách cấp tỉnh.

## **2. Về hiệu lực thực hiện quy định về phân chia nguồn thu đối với tiền thuế chậm nộp:**

Theo quy định Thông tư số 326/2010/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính có hiệu lực thực hiện đối với năm ngân sách 2017. Vì vậy, hiệu lực thực hiện quy định về phân chia nguồn thu đối tiền chậm nộp đối với năm ngân sách 2017 và các năm sau trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Kho bạc Nhà nước trả lời đề Quý cơ quan báo cáo cấp có thẩm quyền ở địa phương đề tổ chức thực hiện./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT, KTNN.(3) *✓*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Thủy**